

**DANH SÁCH CÁC LỚP HỌC PHẦN CHƯA UPLOAD KẾT QUẢ LÊN PORTAL SINH VIÊN**  
(tính đến 16h00 ngày 31/03/2023)

| STT | Mã lớp HP | Tên lớp     | Tên học phần                                                 | Số TC | GV giảng dạy                     | P.QLĐT nhận bảng điểm | Ghi chú | Cập nhật ngày xử lý hoàn tất | Thời hạn phúc khảo bài thi | Thời hạn rà soát điểm |
|-----|-----------|-------------|--------------------------------------------------------------|-------|----------------------------------|-----------------------|---------|------------------------------|----------------------------|-----------------------|
| 1   | NUR42501  | 221NUR42501 | An toàn người bệnh                                           | 2     | Lê Thị Kim Chi - (60403)         |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 2   | FIN40502  | 221FIN40502 | Báo cáo chuyên đề thực tiễn                                  | 1     | Phạm Hoàng Ân - (02130)          |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 3   | SOC41401  | 221SOC41401 | Báo cáo chuyên đề thực tiễn                                  | 1     | Nguyễn Tất Thành - (04126)       |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 4   | MAN40401  | 221MAN40401 | Báo cáo chuyên đề thực tiễn - QTKD                           | 1     | Nguyễn Hoàng Tiến - (60222)      |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 5   | MAN40402  | 221MAN40402 | Báo cáo chuyên đề thực tiễn - QTKD                           | 1     | Nguyễn Hoàng Tiến - (60222)      |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 6   | MAN40403  | 221MAN40403 | Báo cáo chuyên đề thực tiễn - QTKD                           | 1     | Đinh Bá Hùng Anh - (60076)       |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 7   | MAN40404  | 221MAN40404 | Báo cáo chuyên đề thực tiễn - QTKD                           | 1     | Đinh Bá Hùng Anh - (60076)       |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 8   | MAN40405  | 221MAN40405 | Báo cáo chuyên đề thực tiễn - QTKD                           | 1     | Đinh Bá Hùng Anh - (60076)       |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 9   | HUR40301  | 221HUR40301 | Báo cáo chuyên đề thực tiễn - QTNS                           | 1     | Phạm Thị Diễm - (07039)          |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 10  | ECO41501  | 221ECO41501 | Báo cáo chuyên đề thực tiễn TMDT                             | 1     | Trần Anh Dũng - (60396)          |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 11  | PUR42301  | 221PUR42301 | Báo in và báo trực tuyến                                     | 2     | Nguyễn Thị Hồng Chi - (04128)    |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 12  | SOS20306  | 221SOS20306 | Các nền văn minh thế giới                                    | 3     | Phạm Quốc Hưng - (05002)         |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 13  | SOS20307  | 221SOS20307 | Các nền văn minh thế giới                                    | 3     | Phạm Quốc Hưng - (05002)         |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 14  | SOS20402  | 221SOS20402 | Các vấn đề xã hội đương đại                                  | 3     | Hồ Văn Quốc - (04129)            |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 15  | SOS20403  | 221SOS20403 | Các vấn đề xã hội đương đại                                  | 3     | Nguyễn Thị Hồng Thùy - (04005)   |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 16  | SOS20405  | 221SOS20405 | Các vấn đề xã hội đương đại                                  | 3     | Hồ Văn Quốc - (04129)            |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 17  | SOS20406  | 221SOS20406 | Các vấn đề xã hội đương đại                                  | 3     | Trần Thị Thu Vân - (04115)       |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 18  | SOS20407  | 221SOS20407 | Các vấn đề xã hội đương đại                                  | 3     | Trần Thị Thu Vân - (04115)       |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 19  | NUR43401  | 221NUR43401 | Chăm sóc sức khỏe người trưởng thành có bệnh lý nền Nội khoa | 2     | Lê Thị Kim Chi - (60403)         |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 20  | POL10705  | 221POL10705 | Chủ nghĩa xã hội khoa học                                    | 2     | Nguyễn Thị Chuẩn - (60431)       |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 21  | INT30301  | 221INT30301 | Cơ sở dữ liệu                                                | 3     | Đinh Thị Tâm - (01045)           |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 22  | INT31401  | 221INT31401 | Cơ sở dữ liệu                                                | 2     | Đinh Thị Tâm - (01045)           |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 23  | INT46801  | 221INT46801 | Công nghệ web                                                | 2     | Nguyễn Bạch Thanh Tùng - (60440) |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 24  | INT20103  | 221INT20103 | ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông                    | 3     | Phạm Thành Đạt - (60515)         |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 25  | INT20104  | 221INT20104 | ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông                    | 3     | Huỳnh Thị Châu Ái - (01019)      |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 26  | CHI41801  | 221CHI41801 | Dịch nói 1                                                   | 3     | Nguyễn Tấn Trường An - (60353)   |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 27  | TRA41305  | 221TRA41305 | Điện dã lữ hành                                              | 1     | Trần Trọng Lễ - (60297)          |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |

| STT | Mã lớp HP | Tên lớp     | Tên học phần                          | Số TC | GV giảng dạy                     | P.QLĐT nhận bảng điểm | Ghi chú | Cập nhật ngày xử lý hoàn tất | Thời hạn phúc khảo bài thi | Thời hạn rà soát điểm |
|-----|-----------|-------------|---------------------------------------|-------|----------------------------------|-----------------------|---------|------------------------------|----------------------------|-----------------------|
| 28  | INT41402  | 221INT41402 | Đồ án chuyên ngành Hệ thống thông tin | 2     | Hồ Văn Ngọc - (01028)            | Chưa nhận             |         |                              |                            |                       |
| 29  | INT48402  | 221INT48402 | Đồ án chuyên ngành Khoa học máy tính  | 2     | Hồ Văn Ngọc - (01028)            |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 30  | INT48403  | 221INT48403 | Đồ án chuyên ngành Khoa học máy tính  | 2     | Dương Quang Triết - (60165)      |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 31  | INT45904  | 221INT45904 | Đồ án chuyên ngành Mạng máy tính      | 2     | Nguyễn Minh Thi - (60151)        | Chưa nhận             |         |                              |                            |                       |
| 32  | SOS20501  | 221SOS20501 | Giao tiếp đa văn hóa                  | 3     | Phạm Quốc Hưng - (05002)         |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 33  | SOS20502  | 221SOS20502 | Giao tiếp đa văn hóa                  | 3     | Phạm Quốc Hưng - (05002)         |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 34  | CHI42301  | 221CHI42301 | Giao tiếp thương mại (cơ bản)         | 3     | Lê Thị Hằng - (60053)            |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 35  | CHI42301  | 221CHI42301 | Giao tiếp thương mại (cơ bản)         | 3     | Lê Thị Hằng                      |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 36  | INT41701  | 221INT41701 | Hệ quản trị cơ sở dữ liệu             | 2     | Nguyễn Bạch Thanh Tùng - (60440) |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 37  | NUR40301  | 221NUR40301 | Hóa sinh                              | 2     | Lê Thị Kim Chi - (60403)         |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 38  | POL10603  | 221POL10603 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin         | 2     | Dương Đức Hưng - (05005)         |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 39  | POL10613  | 221POL10613 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin         | 2     | Đoàn Thị Huế - (05049)           |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 40  | POL10629  | 221POL10629 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin         | 2     | Nguyễn Thị Chuẩn - (60431)       |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 41  | ECO30202  | 221ECO30202 | Kinh tế lượng                         | 3     | Hoàng Sơn Tùng - (60359)         |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 42  | ECO30203  | 221ECO30203 | Kinh tế lượng                         | 3     | Hoàng Sơn Tùng - (60359)         |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 43  | ECO30206  | 221ECO30206 | Kinh tế lượng                         | 3     | Mai Lưu Huy - (02116)            |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 44  | ECO30207  | 221ECO30207 | Kinh tế lượng                         | 3     | Mai Lưu Huy - (02116)            |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 45  | ECO30303  | 221ECO30303 | Kinh tế vi mô                         | 3     | Hồ Cao Việt - (02035)            |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 46  | ECO30408  | 221ECO30408 | Kinh tế vi mô                         | 3     | Đoàn Thị Vân - (27003)           |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 47  | CHI32801  | 221CHI32801 | Kỹ năng nghe - nói 2                  | 3     | Lê Thị Hằng - (60053)            |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 48  | CHI32805  | 221CHI32805 | Kỹ năng nghe - nói 2                  | 3     | Lê Thị Hằng - (60053)            |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 49  | CHI42601  | 221CHI42601 | Kỹ năng phỏng vấn và xin việc         | 1     | Hoàng Văn Cường - (25128)        |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 50  | NUR40701  | 221NUR40701 | Ký sinh trùng                         | 2     | Nguyễn Thị Thu Quyên - (60404)   |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 51  | ART31601  | 221ART31601 | Kỹ xương âm 1                         | 3     | Trương Thị Ngọc Bích - (26013)   |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 52  | POL10801  | 221POL10801 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam        | 2     | Ngô Quang Ty - (05015)           |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 53  | POL10802  | 221POL10802 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam        | 2     | Ngô Quang Ty - (05015)           |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 54  | POL10803  | 221POL10803 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam        | 2     | Ngô Quang Ty - (05015)           |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 55  | POL10804  | 221POL10804 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam        | 2     | Ngô Quang Ty - (05015)           |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 56  | LAW30502  | 221LAW30502 | Luật công chứng và chứng thực         | 2     | Nguyễn Hữu Thành - (60341)       |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 57  | LAW40501  | 221LAW40501 | Luật doanh nghiệp                     | 3     | Chu Mạnh Hiến - (60357)          |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 58  | LAW30402  | 221LAW30402 | Luật hiến pháp                        | 2     | Chu Mạnh Hiến - (60357)          |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 59  | PSY45001  | 221PSY45001 | Luật lao động                         | 3     | Nguyễn Hữu Thành - (60341)       |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 60  | PSY45002  | 221PSY45002 | Luật lao động                         | 3     | Nguyễn Hữu Thành - (60341)       |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 61  | INT42502  | 221INT42502 | Mạng máy tính                         | 2     | Hồ Văn Ngọc - (01028)            |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |

| STT | Mã lớp HP | Tên lớp     | Tên học phần            | Số TC | GV giảng dạy                       | P.QLĐT nhận bảng điểm | Ghi chú | Cập nhật ngày xử lý hoàn tất | Thời hạn phúc khảo bài thi | Thời hạn rà soát điểm |
|-----|-----------|-------------|-------------------------|-------|------------------------------------|-----------------------|---------|------------------------------|----------------------------|-----------------------|
| 62  | MAR20108  | 221MAR20108 | Marketing căn bản       | 3     | Nguyễn Minh Xuân - Hương - (02075) |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 63  | MAR20111  | 221MAR20111 | Marketing căn bản       | 3     | Trần Huy Cường - (02023)           |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 64  | MAR40902  | 221MAR40902 | Marketing dịch vụ       | 3     | Nguyễn Thị Thu Thảo - (02107)      |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 65  | MAR41101  | 221MAR41101 | Marketing điện tử       | 3     | Phan Thị Chiêu Mỹ - (01006)        |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 66  | NAS10105  | 221NAS10105 | Môi trường và con người | 3     | Nguyễn Thị Diễm Tuyết - (03009)    |                       |         | 20/03/2023                   | 27/03/2023                 | 19/04/2023            |
| 67  | NAS10106  | 221NAS10106 | Môi trường và con người | 3     | Phạm Thị Thanh Hòa - (60250)       |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 68  | NAS10113  | 221NAS10113 | Môi trường và con người | 3     | Phạm Thị Thanh Hòa - (60250)       |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 69  | NAS10125  | 221NAS10125 | Môi trường và con người | 3     | Phạm Thị Thanh Hòa - (60250)       |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 70  | NAS10127  | 221NAS10127 | Môi trường và con người | 3     | Phạm Thị Thanh Hòa - (60250)       |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 71  | INT30601  | 221INT30601 | Nhập môn ngành          | 2     | Đỗ Đình Trang - (01011)            |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 72  | INT30602  | 221INT30602 | Nhập môn ngành          | 2     | Dương Quang Triết - (60165)        |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 73  | INT30603  | 221INT30603 | Nhập môn ngành          | 2     | Lương Thái Hiến - (01005)          |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 74  | INT30604  | 221INT30604 | Nhập môn ngành          | 2     | Huỳnh Thị Châu Ái - (01019)        |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 75  | INT30605  | 221INT30605 | Nhập môn ngành          | 2     | Huỳnh Thị Châu Ái - (01019)        |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 76  | INT30606  | 221INT30606 | Nhập môn ngành          | 2     | Nguyễn Minh Thi - (60151)          |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 77  | INT30607  | 221INT30607 | Nhập môn ngành          | 2     | Đinh Thị Tâm - (01045)             |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 78  | INT30608  | 221INT30608 | Nhập môn ngành          | 2     | Nguyễn Minh Thi - (60151)          |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 79  | INT30609  | 221INT30609 | Nhập môn ngành          | 2     | Nguyễn Bạch Thanh Tùng - (60440)   |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 80  | INT30610  | 221INT30610 | Nhập môn ngành          | 2     | Lương Thái Hiến - (01005)          |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 81  | INT30611  | 221INT30611 | Nhập môn ngành          | 2     | Trần Thanh Thắng - (60557)         |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 82  | INT30612  | 221INT30612 | Nhập môn ngành          | 2     | Huỳnh Quốc Tuấn - (60512)          |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 83  | INT30613  | 221INT30613 | Nhập môn ngành          | 2     | Huỳnh Thị Châu Ái - (01019)        |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 84  | INT30614  | 221INT30614 | Nhập môn ngành          | 2     | Lê Hồng Danh - (28007)             |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 85  | INT30615  | 221INT30615 | Nhập môn ngành          | 2     | Phạm Thành Đạt - (60515)           |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 86  | INT30616  | 221INT30616 | Nhập môn ngành          | 2     | Phạm Thành Đạt - (60515)           |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 87  | INT30617  | 221INT30617 | Nhập môn ngành          | 2     | Phạm Thành Đạt - (60515)           |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 88  | INT30618  | 221INT30618 | Nhập môn ngành          | 2     | Nguyễn Bạch Thanh Tùng - (60440)   |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 89  | INT30619  | 221INT30619 | Nhập môn ngành          | 2     | Phạm Thành Đạt - (60515)           |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 90  | INT30620  | 221INT30620 | Nhập môn ngành          | 2     | Đỗ Đình Trang - (01011)            |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 91  | INT30621  | 221INT30621 | Nhập môn ngành          | 2     | Lương Thái Hiến - (01005)          |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 92  | INT30622  | 221INT30622 | Nhập môn ngành          | 2     | Lê Hồng Danh - (28007)             |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 93  | INT30623  | 221INT30623 | Nhập môn ngành          | 2     | Tạ Chi Quì Nhơn - (60556)          |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 94  | ECO30801  | 221ECO30801 | Nhập môn ngành kinh tế  | 2     | Nguyễn Minh Xuân - Hương - (02075) |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 95  | ECO30802  | 221ECO30802 | Nhập môn ngành kinh tế  | 2     | Nguyễn Thái Dung - (60530)         |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 96  | ECO30803  | 221ECO30803 | Nhập môn ngành kinh tế  | 2     | Nguyễn Thái Dung - (60530)         |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 97  | LAW30101  | 221LAW30101 | Nhập môn ngành Luật     | 2     | Nguyễn Hữu Thành - (60341)         |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 98  | LAW30102  | 221LAW30102 | Nhập môn ngành Luật     | 2     | Nguyễn Hữu Thành - (60341)         |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |

| STT | Mã lớp HP | Tên lớp     | Tên học phần                                 | Số TC | GV giảng dạy                   | P.QLĐT nhận bảng điểm | Ghi chú | Cập nhật ngày xử lý hoàn tất | Thời hạn phúc khảo bài thi | Thời hạn rà soát điểm |
|-----|-----------|-------------|----------------------------------------------|-------|--------------------------------|-----------------------|---------|------------------------------|----------------------------|-----------------------|
| 99  | LAW30103  | 221LAW30103 | Nhập môn ngành Luật                          | 2     | Nông Thị Hồng Dung - (05028)   |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 100 | LAW30104  | 221LAW30104 | Nhập môn ngành Luật                          | 2     | Vũ Quyết Tiến - (60541)        |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 101 | LAW30105  | 221LAW30105 | Nhập môn ngành Luật                          | 2     | Nguyễn Hữu Thành - (60341)     |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 102 | MAR30202  | 221MAR30202 | Nhập môn ngành Marketing                     | 2     | Phạm Phương Mai - (02011)      |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 103 | MAR30203  | 221MAR30203 | Nhập môn ngành Marketing                     | 2     | Phan Thị Kim Xuyến - (08006)   |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 104 | MAR30204  | 221MAR30204 | Nhập môn ngành Marketing                     | 2     | Phạm Phương Mai - (02011)      |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 105 | MAR30205  | 221MAR30205 | Nhập môn ngành Marketing                     | 2     | Phạm Phương Mai - (02011)      |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 106 | MAR30206  | 221MAR30206 | Nhập môn ngành Marketing                     | 2     | Phạm Phương Mai - (02011)      |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 107 | MAR30207  | 221MAR30207 | Nhập môn ngành Marketing                     | 2     | Phạm Phương Mai - (02011)      |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 108 | MAR30209  | 221MAR30209 | Nhập môn ngành Marketing                     | 2     | Phan Thị Kim Xuyến - (08006)   |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 109 | MAR30211  | 221MAR30211 | Nhập môn ngành Marketing                     | 2     | Phạm Phương Mai - (02011)      |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 110 | MAR30212  | 221MAR30212 | Nhập môn ngành Marketing                     | 2     | Phạm Phương Mai - (02011)      |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 111 | MAR30214  | 221MAR30214 | Nhập môn ngành Marketing                     | 2     | Huỳnh Ánh Nga - (02013)        |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 112 | MAR30216  | 221MAR30216 | Nhập môn ngành Marketing                     | 2     | Huỳnh Ánh Nga - (02013)        |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 113 | MAR30217  | 221MAR30217 | Nhập môn ngành Marketing                     | 2     | Đinh Nguyệt Bích - (02147)     |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 114 | ENG31001  | 221ENG31001 | Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh/ Biên phiên dịch | 2     | Đổng Thị Khánh Duyên - (25027) |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 115 | ENG30604  | 221ENG30604 | Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh/ PPGD bộ môn TA  | 2     | Nguyễn Thị Tấn - (25151)       | Chưa nhận             |         |                              |                            |                       |
| 116 | ENG30605  | 221ENG30605 | Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh/ PPGD bộ môn TA  | 2     | Nguyễn Vũ Trúc Thảo - (60554)  |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 117 | ENG31202  | 221ENG31202 | Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh/ Quốc tế học     | 2     | La Thị Hồng Loan - (25106)     | Chưa nhận             |         |                              |                            |                       |
| 118 | ENG31204  | 221ENG31204 | Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh/ Quốc tế học     | 2     | Nguyễn Thị Tấn - (25151)       | Chưa nhận             |         |                              |                            |                       |
| 119 | JAP30303  | 221JAP30303 | Nhập môn ngành Ngôn ngữ Nhật                 | 2     | Nguyễn Vô Tâm Như - (60462)    |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 120 | JAP30304  | 221JAP30304 | Nhập môn ngành Ngôn ngữ Nhật                 | 2     | Nguyễn Công Nguyên - (25084)   |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 121 | CHI33202  | 221CHI33202 | Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung                | 2     | Lai Khai Vinh - (60225)        | Chưa nhận             |         |                              |                            |                       |
| 122 | CHI33204  | 221CHI33204 | Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung                | 2     | Lai Khai Vinh - (60225)        | Chưa nhận             |         |                              |                            |                       |
| 123 | CHI33210  | 221CHI33210 | Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung                | 2     | Lai Khai Vinh - (60225)        | Chưa nhận             |         |                              |                            |                       |
| 124 | CHI33218  | 221CHI33218 | Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung                | 2     | Lai Khai Vinh - (60225)        | Chưa nhận             |         |                              |                            |                       |
| 125 | CHI33224  | 221CHI33224 | Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung                | 2     | Lai Khai Vinh - (60225)        | Chưa nhận             |         |                              |                            |                       |
| 126 | CHI33226  | 221CHI33226 | Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung                | 2     | Lai Khai Vinh - (60225)        | Chưa nhận             |         |                              |                            |                       |
| 127 | CHI33234  | 221CHI33234 | Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung                | 2     | Lai Khai Vinh - (60225)        | Chưa nhận             |         |                              |                            |                       |
| 128 | CHI33242  | 221CHI33242 | Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung                | 2     | Lai Khai Vinh - (60225)        | Chưa nhận             |         |                              |                            |                       |
| 129 | SUC30104  | 221SUC30104 | Nhập môn ngành Quản trị chuỗi cung ứng       | 2     | Nguyễn Lê Vương Ngọc - (60439) |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |

| STT | Mã lớp HP | Tên lớp     | Tên học phần                           | Số TC | GV giảng dạy                   | P.QLĐT nhận bảng điểm | Ghi chú | Cập nhật ngày xử lý hoàn tất | Thời hạn phúc khảo bài thi | Thời hạn rà soát điểm |
|-----|-----------|-------------|----------------------------------------|-------|--------------------------------|-----------------------|---------|------------------------------|----------------------------|-----------------------|
| 130 | SUC30105  | 221SUC30105 | Nhập môn ngành Quản trị chuỗi cung ứng | 2     | Nguyễn Lê Vương Ngọc - (60439) |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 131 | SUC30106  | 221SUC30106 | Nhập môn ngành Quản trị chuỗi cung ứng | 2     | Nguyễn Lê Vương Ngọc - (60439) |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 132 | SUC30107  | 221SUC30107 | Nhập môn ngành Quản trị chuỗi cung ứng | 2     | Nguyễn Lê Vương Ngọc - (60439) |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 133 | SUC30111  | 221SUC30111 | Nhập môn ngành Quản trị chuỗi cung ứng | 2     | Lê Thị Nam Phương - (60436)    |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 134 | MAN30201  | 221MAN30201 | Nhập môn ngành Quản trị kinh doanh     | 2     | Lưu Hoàng Giang - (02020)      |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 135 | MAN30202  | 221MAN30202 | Nhập môn ngành Quản trị kinh doanh     | 2     | Lưu Hoàng Giang - (02020)      |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 136 | MAN30205  | 221MAN30205 | Nhập môn ngành Quản trị kinh doanh     | 2     | Trần Huy Cường - (02023)       |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 137 | MAN30206  | 221MAN30206 | Nhập môn ngành Quản trị kinh doanh     | 2     | Trần Huy Cường - (02023)       |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 138 | MAN30210  | 221MAN30210 | Nhập môn ngành Quản trị kinh doanh     | 2     | Lưu Hoàng Giang - (02020)      |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 139 | MAN30211  | 221MAN30211 | Nhập môn ngành Quản trị kinh doanh     | 2     | Lưu Hoàng Giang - (02020)      |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 140 | MAN30217  | 221MAN30217 | Nhập môn ngành Quản trị kinh doanh     | 2     | Trần Huy Cường - (02023)       |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 141 | MAN30223  | 221MAN30223 | Nhập môn ngành Quản trị kinh doanh     | 2     | Trần Huy Cường - (02023)       |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 142 | MAN30230  | 221MAN30230 | Nhập môn ngành Quản trị kinh doanh     | 2     | Trần Huy Cường - (02023)       |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 143 | HUR30102  | 221HUR30102 | Nhập môn ngành Quản trị nhân sự        | 2     | Huỳnh Ánh Nga - (02013)        |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 144 | HUR30103  | 221HUR30103 | Nhập môn ngành Quản trị nhân sự        | 2     | Huỳnh Ánh Nga - (02013)        |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 145 | FIN30203  | 221FIN30203 | Nhập môn ngành Tài chính - Ngân hàng   | 2     | Trịnh Đoàn Tuấn Linh - (60463) | Chưa nhận             |         |                              |                            |                       |
| 146 | PSY30401  | 221PSY30401 | Nhập môn ngành Tâm lý học              | 2     | Phạm Thị Hồng Thái - (04014)   |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 147 | PSY30402  | 221PSY30402 | Nhập môn ngành Tâm lý học              | 2     | Phạm Thị Hồng Thái - (04014)   |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 148 | PSY30404  | 221PSY30404 | Nhập môn ngành Tâm lý học              | 2     | Phạm Thị Hồng Thái - (04014)   |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 149 | ECO30501  | 221ECO30501 | Nhập môn ngành Thương mại điện tử      | 2     | Ao Thu Hoài - (60306)          |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 150 | ECO30503  | 221ECO30503 | Nhập môn ngành Thương mại điện tử      | 2     | Trần Anh Dũng - (60396)        |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 151 | ECO30504  | 221ECO30504 | Nhập môn ngành Thương mại điện tử      | 2     | Trần Anh Dũng - (60396)        |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 152 | ECO30505  | 221ECO30505 | Nhập môn ngành Thương mại điện tử      | 2     | Trần Anh Dũng - (60396)        |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 153 | ECO30506  | 221ECO30506 | Nhập môn ngành Thương mại điện tử      | 2     | Trần Anh Dũng - (60396)        |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 154 | LAW10101  | 221LAW10101 | Pháp luật đại cương                    | 3     | Nguyễn Thuận An - (60356)      |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 155 | LAW10102  | 221LAW10102 | Pháp luật đại cương                    | 3     | Nguyễn Thuận An - (60356)      |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 156 | LAW10103  | 221LAW10103 | Pháp luật đại cương                    | 3     | Nguyễn Thuận An - (60356)      |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 157 | LAW10104  | 221LAW10104 | Pháp luật đại cương                    | 3     | Đoàn Thị Thiên Nga - (60520)   |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 158 | LAW10105  | 221LAW10105 | Pháp luật đại cương                    | 3     | Chu Mạnh Hiển - (60357)        |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 159 | LAW10106  | 221LAW10106 | Pháp luật đại cương                    | 3     | Chu Mạnh Hiển - (60357)        |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 160 | LAW10107  | 221LAW10107 | Pháp luật đại cương                    | 3     | Chu Mạnh Hiển - (60357)        |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 161 | LAW10108  | 221LAW10108 | Pháp luật đại cương                    | 3     | Nông Thị Hồng Dung - (05028)   |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |

| STT | Mã lớp HP | Tên lớp     | Tên học phần        | Số TC | GV giảng dạy                   | P.QLĐT nhận bảng điểm | Ghi chú | Cập nhật ngày xử lý hoàn tất | Thời hạn phúc khảo bài thi | Thời hạn rà soát điểm |
|-----|-----------|-------------|---------------------|-------|--------------------------------|-----------------------|---------|------------------------------|----------------------------|-----------------------|
| 162 | LAW10109  | 221LAW10109 | Pháp luật đại cương | 3     | Nông Thị Hồng Dung - (05028)   |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 163 | LAW10110  | 221LAW10110 | Pháp luật đại cương | 3     | Nông Thị Hồng Dung - (05028)   |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 164 | LAW10111  | 221LAW10111 | Pháp luật đại cương | 3     | Nông Thị Hồng Dung - (05028)   |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 165 | LAW10112  | 221LAW10112 | Pháp luật đại cương | 3     | Thái Thị Mai Chân - (60349)    |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 166 | LAW10113  | 221LAW10113 | Pháp luật đại cương | 3     | Thái Thị Mai Chân - (60349)    |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 167 | LAW10114  | 221LAW10114 | Pháp luật đại cương | 3     | Thái Thị Mai Chân - (60349)    |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 168 | LAW10115  | 221LAW10115 | Pháp luật đại cương | 3     | Thái Thị Mai Chân - (60349)    |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 169 | LAW10116  | 221LAW10116 | Pháp luật đại cương | 3     | Thái Thị Mai Chân - (60349)    |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 170 | LAW10117  | 221LAW10117 | Pháp luật đại cương | 3     | Đinh Thị Hoa - (60219)         |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 171 | LAW10118  | 221LAW10118 | Pháp luật đại cương | 3     | Trịnh Thùy Linh - (60133)      |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 172 | LAW10119  | 221LAW10119 | Pháp luật đại cương | 3     | Trịnh Thùy Linh - (60133)      |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 173 | LAW10120  | 221LAW10120 | Pháp luật đại cương | 3     | Trịnh Thùy Linh - (60133)      |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 174 | LAW10121  | 221LAW10121 | Pháp luật đại cương | 3     | Trịnh Thùy Linh - (60133)      |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 175 | LAW10122  | 221LAW10122 | Pháp luật đại cương | 3     | Nguyễn Thanh Tú - (60290)      |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 176 | LAW10123  | 221LAW10123 | Pháp luật đại cương | 3     | Nguyễn Thanh Tú - (60290)      |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 177 | LAW10124  | 221LAW10124 | Pháp luật đại cương | 3     | Nguyễn Thanh Tú - (60290)      |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 178 | LAW10125  | 221LAW10125 | Pháp luật đại cương | 3     | Nguyễn Thanh Tú - (60290)      |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 179 | LAW10126  | 221LAW10126 | Pháp luật đại cương | 3     | Phạm Minh Khoa - (60284)       |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 180 | LAW10127  | 221LAW10127 | Pháp luật đại cương | 3     | Phạm Minh Khoa - (60284)       |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 181 | LAW10128  | 221LAW10128 | Pháp luật đại cương | 3     | Phạm Minh Khoa - (60284)       |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 182 | LAW10129  | 221LAW10129 | Pháp luật đại cương | 3     | Phạm Minh Khoa - (60284)       |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 183 | LAW10130  | 221LAW10130 | Pháp luật đại cương | 3     | Ngô Hữu Nhị - (05019)          |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 184 | LAW10131  | 221LAW10131 | Pháp luật đại cương | 3     | Ngô Hữu Nhị - (05019)          |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 185 | LAW10132  | 221LAW10132 | Pháp luật đại cương | 3     | Ngô Hữu Nhị - (05019)          |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 186 | LAW10133  | 221LAW10133 | Pháp luật đại cương | 3     | Ngô Hữu Nhị - (05019)          |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 187 | LAW10134  | 221LAW10134 | Pháp luật đại cương | 3     | Phạm Văn Nhung - (05020)       |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 188 | LAW10135  | 221LAW10135 | Pháp luật đại cương | 3     | Phạm Văn Nhung - (05020)       |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 189 | LAW10136  | 221LAW10136 | Pháp luật đại cương | 3     | Phạm Văn Nhung - (05020)       |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 190 | LAW10137  | 221LAW10137 | Pháp luật đại cương | 3     | Phạm Văn Nhung - (05020)       |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 191 | LAW10138  | 221LAW10138 | Pháp luật đại cương | 3     | Trịnh Đoàn Tuấn Linh - (60463) |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 192 | LAW10139  | 221LAW10139 | Pháp luật đại cương | 3     | Chu Mạnh Hiến - (60357)        |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 193 | LAW10140  | 221LAW10140 | Pháp luật đại cương | 3     | Phạm Minh Khoa - (60284)       |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 194 | LAW10141  | 221LAW10141 | Pháp luật đại cương | 3     | Nguyễn Lê Phương Anh - (60562) |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 195 | LAW10142  | 221LAW10142 | Pháp luật đại cương | 3     | Trịnh Đoàn Tuấn Linh - (60463) |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 196 | LAW10143  | 221LAW10143 | Pháp luật đại cương | 3     | Trịnh Đoàn Tuấn Linh - (60463) | Chưa nhận             |         |                              |                            |                       |
| 197 | LAW10144  | 221LAW10144 | Pháp luật đại cương | 3     | Chu Mạnh Hiến - (60357)        |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 198 | LAW10145  | 221LAW10145 | Pháp luật đại cương | 3     | Trịnh Đoàn Tuấn Linh - (60463) |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |

| STT | Mã lớp HP | Tên lớp     | Tên học phần               | Số TC | GV giảng dạy                   | P.QLĐT nhận bảng điểm | Ghi chú | Cập nhật ngày xử lý hoàn tất | Thời hạn phúc khảo bài thi | Thời hạn rà soát điểm |
|-----|-----------|-------------|----------------------------|-------|--------------------------------|-----------------------|---------|------------------------------|----------------------------|-----------------------|
| 199 | LAW10146  | 221LAW10146 | Pháp luật đại cương        | 3     | Vũ Quyết Tiến - (60541)        |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 200 | LAW10147  | 221LAW10147 | Pháp luật đại cương        | 3     | Nguyễn Lê Phương Anh - (60562) |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 201 | LAW10148  | 221LAW10148 | Pháp luật đại cương        | 3     | Chu Mạnh Hiến - (60357)        |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 202 | LAW10149  | 221LAW10149 | Pháp luật đại cương        | 3     | Nguyễn Hiến Hà - (60555)       |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 203 | LAW10150  | 221LAW10150 | Pháp luật đại cương        | 3     | Nông Thị Hồng Dung - (05028)   |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 204 | LAW10151  | 221LAW10151 | Pháp luật đại cương        | 3     | Dương Trọng Đoàn - (60546)     |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 205 | LAW10152  | 221LAW10152 | Pháp luật đại cương        | 3     | Nguyễn Lê Phương Anh - (60562) |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 206 | LAW10153  | 221LAW10153 | Pháp luật đại cương        | 3     | Nguyễn Viết Tú - (60355)       |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 207 | LAW10154  | 221LAW10154 | Pháp luật đại cương        | 3     | Nguyễn Viết Tú - (60355)       |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 208 | LAW10155  | 221LAW10155 | Pháp luật đại cương        | 3     | Nguyễn Viết Tú - (60355)       |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 209 | LAW10156  | 221LAW10156 | Pháp luật đại cương        | 3     | Nguyễn Thuận An - (60356)      |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 210 | LAW10157  | 221LAW10157 | Pháp luật đại cương        | 3     | Dương Trọng Đoàn - (60546)     |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 211 | LAW10158  | 221LAW10158 | Pháp luật đại cương        | 3     | Chu Mạnh Hiến - (60357)        |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 212 | LAW10159  | 221LAW10159 | Pháp luật đại cương        | 3     | Nông Thị Hồng Dung - (05028)   |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 213 | LAW10160  | 221LAW10160 | Pháp luật đại cương        | 3     | Nông Thị Hồng Dung - (05028)   |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 214 | LAW10161  | 221LAW10161 | Pháp luật đại cương        | 3     | Nông Thị Hồng Dung - (05028)   |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 215 | LAW10162  | 221LAW10162 | Pháp luật đại cương        | 3     | Nông Thị Hồng Dung - (05028)   |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 216 | LAW10163  | 221LAW10163 | Pháp luật đại cương        | 3     | Phạm Văn Nhung - (05020)       |                       |         | 28/03/2023                   | 04/04/2023                 | 27/04/2023            |
| 217 | LAW10164  | 221LAW10164 | Pháp luật đại cương        | 3     | Phạm Văn Nhung - (05020)       |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 218 | LAW10165  | 221LAW10165 | Pháp luật đại cương        | 3     | Đỗ Trọng Hiến - (60545)        |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 219 | LAW10166  | 221LAW10166 | Pháp luật đại cương        | 3     | Phạm Đình Chi - (60568)        | Chưa nhận             |         |                              |                            |                       |
| 220 | LAW10167  | 221LAW10167 | Pháp luật đại cương        | 3     | Trịnh Thùy Linh - (60133)      |                       |         | 21/03/2023                   | 28/03/2023                 | 20/04/2023            |
| 221 | LAW10168  | 221LAW10168 | Pháp luật đại cương        | 3     | Trịnh Thùy Linh - (60133)      |                       |         | 21/03/2023                   | 28/03/2023                 | 20/04/2023            |
| 222 | LAW10169  | 221LAW10169 | Pháp luật đại cương        | 3     | Vũ Thị Nga - (60542)           |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 223 | LAW10170  | 221LAW10170 | Pháp luật đại cương        | 3     | Vũ Thị Nga - (60542)           |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 224 | LAW10171  | 221LAW10171 | Pháp luật đại cương        | 3     | Vũ Thị Nga - (60542)           |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 225 | LAW10172  | 221LAW10172 | Pháp luật đại cương        | 3     | Vũ Thị Nga - (60542)           |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 226 | LAW10173  | 221LAW10173 | Pháp luật đại cương        | 3     | Vũ Thị Nga - (60542)           |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 227 | LAW10174  | 221LAW10174 | Pháp luật đại cương        | 3     | Nguyễn Thành Nhất - (60543)    |                       |         | 21/03/2023                   | 28/03/2023                 | 20/04/2023            |
| 228 | LAW10175  | 221LAW10175 | Pháp luật đại cương        | 3     | Nguyễn Thành Nhất - (60543)    |                       |         | 21/03/2023                   | 28/03/2023                 | 20/04/2023            |
| 229 | LAW10176  | 221LAW10176 | Pháp luật đại cương        | 3     | Nguyễn Thành Nhất - (60543)    |                       |         | 21/03/2023                   | 28/03/2023                 | 20/04/2023            |
| 230 | LAW10177  | 221LAW10177 | Pháp luật đại cương        | 3     | Nguyễn Thành Nhất - (60543)    |                       |         | 21/03/2023                   | 28/03/2023                 | 20/04/2023            |
| 231 | LAW10178  | 221LAW10178 | Pháp luật đại cương        | 3     | Nguyễn Thành Nhất - (60543)    |                       |         | 21/03/2023                   | 28/03/2023                 | 20/04/2023            |
| 232 | LAW10179  | 221LAW10179 | Pháp luật đại cương        | 3     | Đỗ Trọng Hiến - (60545)        |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 233 | LAW10180  | 221LAW10180 | Pháp luật đại cương        | 3     | Đỗ Trọng Hiến - (60545)        |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 234 | LAW10181  | 221LAW10181 | Pháp luật đại cương        | 3     | Trần Anh Thực Đoàn - (60560)   |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 235 | BUS42401  | 221BUS42401 | Pháp luật trong kinh doanh | 3     | Bùi Thị Kim Thao - (60513)     |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |

| STT | Mã lớp HP | Tên lớp     | Tên học phần                                | Số TC | GV giảng dạy                                  | P.QLĐT nhận bảng điểm | Ghi chú | Cập nhật ngày xử lý hoàn tất        | Thời hạn phúc khảo bài thi | Thời hạn rà soát điểm |
|-----|-----------|-------------|---------------------------------------------|-------|-----------------------------------------------|-----------------------|---------|-------------------------------------|----------------------------|-----------------------|
| 236 | LAW40601  | 221LAW40601 | Pháp luật về kinh doanh bất động sản        | 3     | Nguyễn Thùy Dương - (60509)                   |                       |         | 17/03/2023                          | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 237 | JAP43501  | 221JAP43501 | Phiên dịch thương mại Nhật Việt - Việt Nhật | 2     | Cao Thị Phương Thảo - (25042)                 | Chưa nhận             |         |                                     |                            |                       |
| 238 | SKL10105  | 221SKL10105 | Phương pháp học đại học                     | 3     | Nguyễn A Say - (11006)                        |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 239 | SKL10106  | 221SKL10106 | Phương pháp học đại học                     | 3     | Nguyễn A Say - (11006)                        |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 240 | SKL10107  | 221SKL10107 | Phương pháp học đại học                     | 3     | Nguyễn A Say - (11006)                        |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 241 | SKL10108  | 221SKL10108 | Phương pháp học đại học                     | 3     | Lê Dương Khắc Minh - (60387)                  |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 242 | SKL10113  | 221SKL10113 | Phương pháp học đại học                     | 3     | Trần Thị Lợi - (10006)                        |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 243 | SKL10119  | 221SKL10119 | Phương pháp học đại học                     | 3     | Phạm Thị Hương, Nguyễn A Say - (04042, 11006) |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 244 | SKL10120  | 221SKL10120 | Phương pháp học đại học                     | 3     | Phạm Thị Hương, Nguyễn A Say - (04042, 11006) |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 245 | SKL10127  | 221SKL10127 | Phương pháp học đại học                     | 3     | Trần Thị Lợi - (10006)                        |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 246 | SKL10135  | 221SKL10135 | Phương pháp học đại học                     | 3     | Nguyễn A Say - (11006)                        |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 247 | SKL10142  | 221SKL10142 | Phương pháp học đại học                     | 3     | Lê Thị Hoàng Liễu - (04089)                   |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 248 | SKL10143  | 221SKL10143 | Phương pháp học đại học                     | 3     | Lê Thị Hoàng Liễu - (04089)                   |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 249 | SKL10146  | 221SKL10146 | Phương pháp học đại học                     | 3     | Lê Thị Hoàng Liễu - (04089)                   |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 250 | SKL10149  | 221SKL10149 | Phương pháp học đại học                     | 3     | Lê Dương Khắc Minh - (60387)                  |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 251 | SKL10152  | 221SKL10152 | Phương pháp học đại học                     | 3     | Lê Thị Chi - (04133)                          |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 252 | SKL10156  | 221SKL10156 | Phương pháp học đại học                     | 3     | Nguyễn A Say - (11006)                        |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 253 | SKL10168  | 221SKL10168 | Phương pháp học đại học                     | 3     | Phạm Thị Hương - (04042)                      |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 254 | SKL10185  | 221SKL10185 | Phương pháp học đại học                     | 3     | Trần Lương Mộng Trinh - (02080)               |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 255 | SKL10194  | 221SKL10194 | Phương pháp học đại học                     | 3     | Nguyễn A Say - (11006)                        |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 256 | ART43001  | 221ART43001 | Piano 1                                     | 3     | Trần Mai Hồng - (26007)                       | Chưa nhận             |         |                                     |                            |                       |
| 257 | ART43002  | 221ART43002 | Piano 1                                     | 3     | Trần Mai Hồng - (26007)                       | Chưa nhận             |         |                                     |                            |                       |
| 258 | ART43003  | 221ART43003 | Piano 1                                     | 3     | Mạch Thị Mỹ Thanh - (26019)                   |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 259 | ART43004  | 221ART43004 | Piano 1                                     | 3     | Mạch Thị Mỹ Thanh - (26019)                   |                       |         | Lớp thực hành, chỉ lưu ko nhập điểm | #VALUE!                    | #VALUE!               |
| 260 | ART43005  | 221ART43005 | Piano 1                                     | 3     | Trần Thị Hoài Phương - (60550)                |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 261 | ART43006  | 221ART43006 | Piano 1                                     | 3     | Trần Thị Hoài Phương - (60550)                |                       |         | Lớp thực hành, chỉ lưu ko nhập điểm | #VALUE!                    | #VALUE!               |
| 262 | ART43007  | 221ART43007 | Piano 1                                     | 3     | Trần Thị Hoài Phương - (60550)                |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |

| STT | Mã lớp HP | Tên lớp      | Tên học phần                              | Số TC | GV giảng dạy                    | P.QLĐT nhận bảng điểm | Ghi chú | Cập nhật ngày xử lý hoàn tất        | Thời hạn phúc khảo bài thi | Thời hạn rà soát điểm |
|-----|-----------|--------------|-------------------------------------------|-------|---------------------------------|-----------------------|---------|-------------------------------------|----------------------------|-----------------------|
| 263 | ART43008  | 221ART43008  | Piano 1                                   | 3     | Trần Thị Hoài Phương - (60550)  |                       |         | Lớp thực hành, chỉ lưu ko nhập điểm | #VALUE!                    | #VALUE!               |
| 264 | ART43009  | 221ART43009  | Piano 1                                   | 3     | Hứa Nguyễn Bảo Nhi - (60549)    |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 265 | ART43010  | 221ART43010  | Piano 1                                   | 3     | Hứa Nguyễn Bảo Nhi - (60549)    |                       |         | Lớp thực hành, chỉ lưu ko nhập điểm | #VALUE!                    | #VALUE!               |
| 266 | ART43011  | 221ART43011  | Piano 1                                   | 3     | Hứa Nguyễn Bảo Nhi - (60549)    |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 267 | ART43012  | 221ART43012  | Piano 1                                   | 3     | Hứa Nguyễn Bảo Nhi - (60549)    |                       |         | Lớp thực hành, chỉ lưu ko nhập điểm | #VALUE!                    | #VALUE!               |
| 268 | ART43013  | 221ART43013  | Piano 1                                   | 3     | Trần Mai Hồng - (26007)         |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 269 | ART43014  | 221ART43014  | Piano 1                                   | 3     | Trần Mai Hồng - (26007)         |                       |         | Lớp thực hành, chỉ lưu ko nhập điểm | #VALUE!                    | #VALUE!               |
| 270 | ART43015  | 221ART43015  | Piano 1                                   | 3     | Mạch Thị Mỹ Thanh - (26019)     |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 271 | ART43016  | 221ART43016  | Piano 1                                   | 3     | Mạch Thị Mỹ Thanh - (26019)     |                       |         | Lớp thực hành, chỉ lưu ko nhập điểm | #VALUE!                    | #VALUE!               |
| 272 | ART43017  | 221ART43017  | Piano 1                                   | 3     | Hoàng Trần Tuấn - (60441)       |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 273 | ART43018  | 221ART43018  | Piano 1                                   | 3     | Hoàng Trần Tuấn - (60441)       |                       |         | Lớp thực hành, chỉ lưu ko nhập điểm | #VALUE!                    | #VALUE!               |
| 274 | ART43207  | 221ART43207  | Piano 3                                   | 3     | Hoàng Trần Tuấn - (60441)       |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 275 | ART43401  | 221ART43401  | Piano 5                                   | 3     | Trần Mai Hồng - (26007)         |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 276 | ART44101  | 221ART44101  | Piano phổ thông 4                         | 1     | Trương Thị Ngọc Bích - (26013)  |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 277 | TOU30301  | 221TOU30301  | Quản lý chất lượng dịch vụ                | 2     | Nguyễn Hà Thanh Bình - (60182)  |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 278 | INT42801  | 221INT42801  | Quản lý dự án CNTT                        | 2     | Nguyễn Hữu Hương Xuân - (60363) |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 279 | 1A0809901 | 2211A0809901 | Quản trị an toàn, an ninh trong khách sạn | 3     | Ngô Xuân Hào - (03005)          |                       |         | 17/03/2023                          | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 280 | MAN40605  | 221MAN40605  | Quản trị bán hàng                         | 3     | Nguyễn Anh Phúc - (60354)       |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |

| STT | Mã lớp HP | Tên lớp     | Tên học phần                                                      | Số TC | GV giảng dạy                     | P.QLĐT nhận bảng điểm | Ghi chú | Cập nhật ngày xử lý hoàn tất | Thời hạn phúc khảo bài thi | Thời hạn rà soát điểm |
|-----|-----------|-------------|-------------------------------------------------------------------|-------|----------------------------------|-----------------------|---------|------------------------------|----------------------------|-----------------------|
| 281 | MAN40606  | 221MAN40606 | Quản trị bán hàng                                                 | 3     | Nguyễn Anh Phúc - (60354)        |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 282 | MAN40902  | 221MAN40902 | Quản trị chiến lược                                               | 3     | Nguyễn Hoàng Tiến - (60222)      |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 283 | MAN20101  | 221MAN20101 | Quản trị học                                                      | 3     | Lưu Hoàng Giang - (02020)        |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 284 | MAN20104  | 221MAN20104 | Quản trị học                                                      | 3     | Nguyễn Hoàng Tiến - (60222)      |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 285 | MAN20109  | 221MAN20109 | Quản trị học                                                      | 3     | Nguyễn Đức Hải - (06003)         |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 286 | MAR41803  | 221MAR41803 | Quản trị marketing                                                | 3     | Phan Thị Kim Xuyên - (08006)     |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 287 | MAR41804  | 221MAR41804 | Quản trị marketing                                                | 3     | Nguyễn Minh Xuân Hương - (02075) |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 288 | HUR40804  | 221HUR40804 | Quản trị nhân sự                                                  | 3     | Phạm Thị Diễm - (07039)          |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 289 | HUR40805  | 221HUR40805 | Quản trị nhân sự                                                  | 3     | Phạm Thị Diễm - (07039)          |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 290 | FIN43401  | 221FIN43401 | Quản trị tài chính doanh nghiệp                                   | 3     | Phạm Thị Giang Thùy - (05010)    |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 291 | MAR40301  | 221MAR40301 | Quảng cáo                                                         | 2     | Ao Thu Hoài - (60306)            |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 292 | KOR41602  | 221KOR41602 | Quy tắc giao tiếp trong tiếng Hàn                                 | 2     | Kim Dong Seok - (25171)          |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 293 | TOU30401  | 221TOU30401 | Tâm lý du khách                                                   | 2     | Bùi Thị Ngọc Trâm - (60331)      |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 294 | PSY20101  | 221PSY20101 | Tâm lý học đại cương                                              | 3     | Phạm Thị Hồng Thái - (04014)     |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 295 | PSY20102  | 221PSY20102 | Tâm lý học đại cương                                              | 3     | Nguyễn Thị Bích Thùy - (04013)   |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 296 | PSY31101  | 221PSY31101 | Tâm lý học nhân cách                                              | 3     | Nguyễn Thị Bích Thùy - (04013)   |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 297 | PSY31102  | 221PSY31102 | Tâm lý học nhân cách                                              | 3     | Nguyễn Thị Bích Thùy - (04013)   |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 298 | PSY43001  | 221PSY43001 | Tâm lý học quản trị kinh doanh                                    | 2     | Nguyễn Văn Phương - (04078)      |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 299 | NUR43701  | 221NUR43701 | TH Chăm sóc bệnh nhân cấp cứu và điều trị tích cực                | 1     | Lê Thị Kim Chi - (60403)         |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 300 | NUR43901  | 221NUR43901 | TH Chăm sóc sức khỏe người trưởng thành có bệnh lý nền Ngoại khoa | 1     | Nguyễn Phi Hùng - (60340)        |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 301 | INT46901  | 221INT46901 | TH Công nghệ web                                                  | 1     | Nguyễn Bạch Thanh Tùng - (60440) |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 302 | INT46902  | 221INT46902 | TH Công nghệ web                                                  | 1     | Nguyễn Bạch Thanh Tùng - (60440) |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 303 | INT43301  | 221INT43301 | TH Hệ quản trị cơ sở dữ liệu                                      | 1     | Nguyễn Bạch Thanh Tùng - (60440) |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 304 | INT43302  | 221INT43302 | TH Hệ quản trị cơ sở dữ liệu                                      | 1     | Quách Anh Dũng - (01014)         |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 305 | INT31802  | 221INT31802 | TH Lập trình C++ nâng cao                                         | 1     | Hồ Văn Ngọc - (01028)            |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 306 | INT44101  | 221INT44101 | TH Mạng máy tính                                                  | 1     | Hồ Văn Ngọc - (01028)            |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 307 | INT44102  | 221INT44102 | TH Mạng máy tính                                                  | 1     | Hồ Văn Ngọc - (01028)            |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 308 | INT44103  | 221INT44103 | TH Mạng máy tính                                                  | 1     | Hồ Văn Ngọc - (01028)            |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 309 | INT44104  | 221INT44104 | TH Mạng máy tính                                                  | 1     | Hồ Văn Ngọc - (01028)            |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 310 | INT44105  | 221INT44105 | TH Mạng máy tính                                                  | 1     | Hồ Văn Ngọc - (01028)            |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 311 | INT44401  | 221INT44401 | TH Quản lý dự án CNTT                                             | 1     | Nguyễn Hữu Hương Xuân - (60363)  |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 312 | INT44501  | 221INT44501 | TH Tổ chức và quản trị các dịch vụ mạng                           | 1     | Nguyễn Minh Thi - (60151)        |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 313 | ART44503  | 221ART44503 | Thanh nhạc 1                                                      | 3     | Huỳnh Hoàng Cư - (26003)         |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |

| STT | Mã lớp HP | Tên lớp     | Tên học phần | Số TC | GV giảng dạy                  | P.QLĐT nhận bảng điểm | Ghi chú | Cập nhật ngày xử lý hoàn tất        | Thời hạn phúc khảo bài thi | Thời hạn rà soát điểm |
|-----|-----------|-------------|--------------|-------|-------------------------------|-----------------------|---------|-------------------------------------|----------------------------|-----------------------|
| 314 | ART44504  | 221ART44504 | Thanh nhạc 1 | 3     | Huỳnh Hoàng Cư - (26003)      |                       |         | Lớp thực hành, chi lưu ko nhập điểm | #VALUE!                    | #VALUE!               |
| 315 | ART44505  | 221ART44505 | Thanh nhạc 1 | 3     | Nguyễn Thị Thu Hà - (26018)   |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 316 | ART44506  | 221ART44506 | Thanh nhạc 1 | 3     | Nguyễn Thị Thu Hà - (26018)   |                       |         | Lớp thực hành, chi lưu ko nhập điểm | #VALUE!                    | #VALUE!               |
| 317 | ART44507  | 221ART44507 | Thanh nhạc 1 | 3     | Đoàn Thanh Minh - (26017)     |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 318 | ART44508  | 221ART44508 | Thanh nhạc 1 | 3     | Đoàn Thanh Minh - (26017)     |                       |         | Lớp thực hành, chi lưu ko nhập điểm | #VALUE!                    | #VALUE!               |
| 319 | ART44509  | 221ART44509 | Thanh nhạc 1 | 3     | Đặng Hồng Quang - (60418)     |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 320 | ART44510  | 221ART44510 | Thanh nhạc 1 | 3     | Đặng Hồng Quang - (60418)     |                       |         | Lớp thực hành, chi lưu ko nhập điểm | #VALUE!                    | #VALUE!               |
| 321 | ART44511  | 221ART44511 | Thanh nhạc 1 | 3     | Đặng Hồng Quang - (60418)     |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 322 | ART44512  | 221ART44512 | Thanh nhạc 1 | 3     | Đặng Hồng Quang - (60418)     |                       |         | Lớp thực hành, chi lưu ko nhập điểm | #VALUE!                    | #VALUE!               |
| 323 | ART44513  | 221ART44513 | Thanh nhạc 1 | 3     | Lê Thị Như Ngọc - (60285)     |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 324 | ART44514  | 221ART44514 | Thanh nhạc 1 | 3     | Lê Thị Như Ngọc - (60285)     |                       |         | Lớp thực hành, chi lưu ko nhập điểm | #VALUE!                    | #VALUE!               |
| 325 | ART44515  | 221ART44515 | Thanh nhạc 1 | 3     | Lê Thị Như Ngọc - (60285)     |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 326 | ART44516  | 221ART44516 | Thanh nhạc 1 | 3     | Lê Thị Như Ngọc - (60285)     |                       |         | Lớp thực hành, chi lưu ko nhập điểm | #VALUE!                    | #VALUE!               |
| 327 | ART44517  | 221ART44517 | Thanh nhạc 1 | 3     | Võ Nguyễn Thành Tâm - (60398) |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |

| STT | Mã lớp HP | Tên lớp     | Tên học phần | Số TC | GV giảng dạy                   | P.QLĐT nhận bảng điểm | Ghi chú | Cập nhật ngày xử lý hoàn tất        | Thời hạn phúc khảo bài thi | Thời hạn rà soát điểm |
|-----|-----------|-------------|--------------|-------|--------------------------------|-----------------------|---------|-------------------------------------|----------------------------|-----------------------|
| 328 | ART44518  | 221ART44518 | Thanh nhạc 1 | 3     | Võ Nguyễn Thành Tâm - (60398)  |                       |         | Lớp thực hành, chi lưu ko nhập điểm | #VALUE!                    | #VALUE!               |
| 329 | ART44519  | 221ART44519 | Thanh nhạc 1 | 3     | Võ Nguyễn Thành Tâm - (60398)  |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 330 | ART44520  | 221ART44520 | Thanh nhạc 1 | 3     | Võ Nguyễn Thành Tâm - (60398)  |                       |         | Lớp thực hành, chi lưu ko nhập điểm | #VALUE!                    | #VALUE!               |
| 331 | ART44521  | 221ART44521 | Thanh nhạc 1 | 3     | Phạm Thị Duyên Huyền - (60551) |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 332 | ART44522  | 221ART44522 | Thanh nhạc 1 | 3     | Phạm Thị Duyên Huyền - (60551) |                       |         | Lớp thực hành, chi lưu ko nhập điểm | #VALUE!                    | #VALUE!               |
| 333 | ART44523  | 221ART44523 | Thanh nhạc 1 | 3     | Phạm Thị Duyên Huyền - (60551) |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 334 | ART44524  | 221ART44524 | Thanh nhạc 1 | 3     | Phạm Thị Duyên Huyền - (60551) |                       |         | Lớp thực hành, chi lưu ko nhập điểm | #VALUE!                    | #VALUE!               |
| 335 | ART44525  | 221ART44525 | Thanh nhạc 1 | 3     | Đỗ Hồng Ân - (60397)           |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 336 | ART44526  | 221ART44526 | Thanh nhạc 1 | 3     | Đỗ Hồng Ân - (60397)           |                       |         | Lớp thực hành, chi lưu ko nhập điểm | #VALUE!                    | #VALUE!               |
| 337 | ART44527  | 221ART44527 | Thanh nhạc 1 | 3     | Lê Thị Như Ngọc - (60285)      |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 338 | ART44528  | 221ART44528 | Thanh nhạc 1 | 3     | Lê Thị Như Ngọc - (60285)      |                       |         | Lớp thực hành, chi lưu ko nhập điểm | #VALUE!                    | #VALUE!               |
| 339 | ART44529  | 221ART44529 | Thanh nhạc 1 | 3     | Trần Thị Hòa - (60569)         |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 340 | ART44530  | 221ART44530 | Thanh nhạc 1 | 3     | Trần Thị Hòa - (60569)         |                       |         | Lớp thực hành, chi lưu ko nhập điểm | #VALUE!                    | #VALUE!               |
| 341 | ART45805  | 221ART45805 | Thanh nhạc 3 | 3     | Đoàn Thanh Minh - (26017)      | Chưa nhận             |         |                                     |                            |                       |

| STT | Mã lớp HP | Tên lớp     | Tên học phần                          | Số TC | GV giảng dạy                  | P.QLĐT nhận bảng điểm | Ghi chú | Cập nhật ngày xử lý hoàn tất        | Thời hạn phúc khảo bài thi | Thời hạn rà soát điểm |
|-----|-----------|-------------|---------------------------------------|-------|-------------------------------|-----------------------|---------|-------------------------------------|----------------------------|-----------------------|
| 342 | ART45806  | 221ART45806 | Thanh nhạc 3                          | 3     | Đoàn Thanh Minh - (26017)     |                       |         | Lớp thực hành, chỉ lưu ko nhập điểm | #VALUE!                    | #VALUE!               |
| 343 | ART45807  | 221ART45807 | Thanh nhạc 3                          | 3     | Đặng Hồng Quang - (60418)     |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 344 | ART45808  | 221ART45808 | Thanh nhạc 3                          | 3     | Đặng Hồng Quang - (60418)     |                       |         | Lớp thực hành, chỉ lưu ko nhập điểm | #VALUE!                    | #VALUE!               |
| 345 | ART45809  | 221ART45809 | Thanh nhạc 3                          | 3     | Đặng Hồng Quang - (60418)     |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 346 | ART45810  | 221ART45810 | Thanh nhạc 3                          | 3     | Đặng Hồng Quang - (60418)     |                       |         | Lớp thực hành, chỉ lưu ko nhập điểm | #VALUE!                    | #VALUE!               |
| 347 | ART45811  | 221ART45811 | Thanh nhạc 3                          | 3     | Lê Thị Như Ngọc - (60285)     |                       |         | 17/03/2023                          | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 348 | ART45812  | 221ART45812 | Thanh nhạc 3                          | 3     | Lê Thị Như Ngọc - (60285)     |                       |         | 17/03/2023                          | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 349 | ART45815  | 221ART45815 | Thanh nhạc 3                          | 3     | Võ Nguyễn Thành Tâm - (60398) |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 350 | ART45816  | 221ART45816 | Thanh nhạc 3                          | 3     | Võ Nguyễn Thành Tâm - (60398) |                       |         | Lớp thực hành, chỉ lưu ko nhập điểm | #VALUE!                    | #VALUE!               |
| 351 | ART45819  | 221ART45819 | Thanh nhạc 3                          | 3     | Võ Nguyễn Thành Tâm - (60398) |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 352 | ART45820  | 221ART45820 | Thanh nhạc 3                          | 3     | Võ Nguyễn Thành Tâm - (60398) |                       |         | Lớp thực hành, chỉ lưu ko nhập điểm | #VALUE!                    | #VALUE!               |
| 353 | ART46007  | 221ART46007 | Thanh nhạc 5                          | 3     | Lê Thị Như Ngọc - (60285)     |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 354 | ART46205  | 221ART46205 | Thanh nhạc 7                          | 3     | Đoàn Thanh Minh - (26017)     | Chưa nhận             |         |                                     |                            |                       |
| 355 | ART46206  | 221ART46206 | Thanh nhạc 7                          | 3     | Đoàn Thanh Minh - (26017)     | Chưa nhận             |         |                                     |                            |                       |
| 356 | INT45002  | 221INT45002 | Thực tập cơ sở CNTT                   | 4     | Quách Anh Dũng - (01014)      |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 357 | MAR42605  | 221MAR42605 | Thực tập cơ sở Marketing              | 3     | Đoàn Thị Vân - (27003)        |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 358 | MAN42401  | 221MAN42401 | Thực tập cơ sở QTKD                   | 3     | Nguyễn Hoàng Tiến - (60222)   |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 359 | MAN42405  | 221MAN42405 | Thực tập cơ sở QTKD                   | 3     | Hoàng Sơn Tùng - (60359)      |                       |         | 17/03/2023                          | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 360 | TRA43503  | 221TRA43503 | Thực tập nghiệp vụ 1 quản trị DVDL-LH | 3     | Hồ Lưu Phúc - (60531)         |                       |         | 12/03/2023                          | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 361 | BUS30601  | 221BUS30601 | Thương mại điện tử                    | 3     | Ao Thu Hoài - (60306)         |                       |         | 17/03/2023                          | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 362 | BUS42701  | 221BUS42701 | Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế        | 3     | Võ Hoàng Bắc - (02136)        |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |

| STT | Mã lớp HP | Tên lớp      | Tên học phần                              | Số TC | GV giảng dạy                     | P.QLĐT nhận bảng điểm | Ghi chú | Cập nhật ngày xử lý hoàn tất | Thời hạn phúc khảo bài thi | Thời hạn rà soát điểm |
|-----|-----------|--------------|-------------------------------------------|-------|----------------------------------|-----------------------|---------|------------------------------|----------------------------|-----------------------|
| 363 | LOG40301  | 221LOG40301  | Tiếng Anh chuyên ngành Logistics và QLCCU | 3     | Huỳnh Ánh Nga - (02013)          |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 364 | LAW41601  | 221LAW41601  | Tiếng Anh chuyên ngành Luật               | 3     | Nguyễn Lê Phương Oanh - (60511)  |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 365 | LAW41603  | 221LAW41603  | Tiếng Anh chuyên ngành Luật               | 3     | Chế Quang Hoàng Vũ - (60510)     |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 366 | ENG20108  | 221ENG20108  | Tiếng Anh giao tiếp 1                     | 3     | Nguyễn Thị Diệu Ngộ - (25037)    |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 367 | ENG20201  | 221ENG20201  | Tiếng Anh giao tiếp 2                     | 3     | Nim Ngọc Yến - (25056)           |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 368 | ENG20208  | 221ENG20208  | Tiếng Anh giao tiếp 2                     | 3     | Đồng Thị Khánh Duyên - (25027)   |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 369 | HOS31301  | 221HOS31301  | Tiếng Anh ngành khách sạn                 | 2     | Nguyễn Hoàng Mỹ Thanh - (03077)  |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 370 | ENG43904  | 221ENG43904  | Tiếng Anh viết 3                          | 3     | Nim Ngọc Yến - (25056)           |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 371 | KOR30502  | 221KOR30502  | Tiếng Hàn đọc 2                           | 2     | Nguyễn Thị Xuân Anh - (25078)    |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 372 | KOR42101  | 221KOR42101  | Tiếng Hàn đọc 5                           | 2     | Mai Nguyễn Thiên Hương - (60317) |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 373 | KOR42401  | 221KOR42401  | Tiếng Hàn kinh thương                     | 2     | Jung Hye Gyung - (25170)         |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 374 | KOR30701  | 221KOR30701  | Tiếng Hàn nghe - nói 2                    | 2     | Baek Myeong Jin - (60471)        |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 375 | KOR30702  | 221KOR30702  | Tiếng Hàn nghe - nói 2                    | 2     | Baek Myeong Jin - (60471)        |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 376 | KOR30704  | 221KOR30704  | Tiếng Hàn nghe - nói 2                    | 2     | Kim Dong Seok - (25171)          |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 377 | KOR30705  | 221KOR30705  | Tiếng Hàn nghe - nói 2                    | 2     | Kim Dong Seok - (25171)          |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 378 | KOR30706  | 221KOR30706  | Tiếng Hàn nghe - nói 2                    | 2     | Kim Dong Seok - (25171)          |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 379 | KOR42601  | 221KOR42601  | Tiếng Hàn nghe - nói 3                    | 2     | Jung Hye Gyung - (25170)         |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 380 | KOR44301  | 221KOR44301  | Tiếng Hàn nghe - nói 4                    | 3     | Baek Myeong Jin - (60471)        |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 381 | KOR42901  | 221KOR42901  | Tiếng Hàn nghe - nói 6                    | 3     | Baek Myeong Jin - (60471)        |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 382 | KOR30901  | 221KOR30901  | Tiếng Hàn ngữ pháp 2                      | 2     | Nguyễn Thị Xuân Anh - (25078)    |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 383 | KOR30902  | 221KOR30902  | Tiếng Hàn ngữ pháp 2                      | 2     | Nguyễn Thị Xuân Anh - (25078)    |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 384 | KOR30905  | 221KOR30905  | Tiếng Hàn ngữ pháp 2                      | 2     | Mai Nguyễn Thiên Hương - (60317) |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 385 | KOR43203  | 221KOR43203  | Tiếng Hàn ngữ pháp 4                      | 2     | Nguyễn Thị Xuân Anh - (25078)    |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 386 | KOR43204  | 221KOR43204  | Tiếng Hàn ngữ pháp 4                      | 2     | Nguyễn Thị Xuân Anh - (25078)    |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 387 | KOR43601  | 221KOR43601  | Tiếng Hàn viết 2                          | 2     | Lee Ruda - (60529)               |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 388 | JAP30901  | 221JAP30901  | Tiếng Nhật đọc 2                          | 2     | Trần Thị Thanh Hằng - (60334)    |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 389 | JAP31101  | 221JAP31101  | Tiếng Nhật nghe - nói 2                   | 2     | Trần Thị Thanh Hằng - (60334)    |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 390 | JAP33102  | 221JAP33102  | Tiếng Nhật ngữ pháp 2                     | 3     | Mai Thanh Tuyền - (60407)        |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 391 | JAP46801  | 221JAP46801  | Tiếng Nhật tổng hợp 4                     | 2     | Nguyễn Võ Tâm Như - (60462)      |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 392 | FRE30301  | 221FRE30301  | Tiếng Pháp tổng hợp 1                     | 3     | Nguyễn Minh Thắng - (60553)      |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 393 | CHI33804  | 221CHI33804  | Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2               | 3     | Hoàng Văn Cường - (25128)        |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 394 | ENG44001  | 221ENG44001  | Tiếp thị và tổ chức sự kiện               | 3     | La Thị Hồng Loan - (25106)       |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 395 | BUS10107  | 221BUS10107  | Tinh thần khởi nghiệp                     | 3     | Trần Thanh Quân - (60375)        |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 396 | BUS10108  | 221BUS10108  | Tinh thần khởi nghiệp                     | 3     | Trần Thanh Quân - (60375)        |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 397 | BUS10109  | 221BUS10109  | Tinh thần khởi nghiệp                     | 3     | Trần Thanh Quân - (60375)        |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 398 | BUS101100 | 221BUS101100 | Tinh thần khởi nghiệp                     | 3     | Đoàn Hoàng Hải - (60504)         |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |

| STT | Mã lớp HP | Tên lớp      | Tên học phần                                     | Số TC | GV giảng dạy                     | P.QLĐT nhận bảng điểm | Ghi chú | Cập nhật ngày xử lý hoàn tất | Thời hạn phúc khảo bài thi | Thời hạn rà soát điểm |
|-----|-----------|--------------|--------------------------------------------------|-------|----------------------------------|-----------------------|---------|------------------------------|----------------------------|-----------------------|
| 399 | BUS101101 | 221BUS101101 | Tinh thần khởi nghiệp                            | 3     | Đoàn Hoàng Hải - (60504)         |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 400 | BUS101103 | 221BUS101103 | Tinh thần khởi nghiệp                            | 3     | Huỳnh Thị Ngọc Quy - (60505)     |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 401 | BUS10116  | 221BUS10116  | Tinh thần khởi nghiệp                            | 3     | Nguyễn Anh Phúc - (60354)        |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 402 | BUS10119  | 221BUS10119  | Tinh thần khởi nghiệp                            | 3     | Nguyễn Thị Lệ Hoa - (02008)      |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 403 | BUS10120  | 221BUS10120  | Tinh thần khởi nghiệp                            | 3     | Nguyễn Thị Lệ Hoa - (02008)      |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 404 | BUS10127  | 221BUS10127  | Tinh thần khởi nghiệp                            | 3     | Mai Thị Hồng Đào - (02109)       |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 405 | BUS10141  | 221BUS10141  | Tinh thần khởi nghiệp                            | 3     | Đoàn Hoàng Hải - (60504)         |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 406 | BUS10142  | 221BUS10142  | Tinh thần khởi nghiệp                            | 3     | Đoàn Hoàng Hải - (60504)         |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 407 | BUS10146  | 221BUS10146  | Tinh thần khởi nghiệp                            | 3     | Đoàn Hoàng Hải - (60504)         |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 408 | BUS10147  | 221BUS10147  | Tinh thần khởi nghiệp                            | 3     | Đoàn Hoàng Hải - (60504)         |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 409 | BUS10163  | 221BUS10163  | Tinh thần khởi nghiệp                            | 3     | Đinh Tiến Lợi - (60558)          |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 410 | BUS10164  | 221BUS10164  | Tinh thần khởi nghiệp                            | 3     | Nguyễn Thị Lệ Hoa - (02008)      |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 411 | BUS10165  | 221BUS10165  | Tinh thần khởi nghiệp                            | 3     | Nguyễn Thị Lệ Hoa - (02008)      |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 412 | BUS10166  | 221BUS10166  | Tinh thần khởi nghiệp                            | 3     | Võ Hoàng Bắc - (02136)           |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 413 | BUS10167  | 221BUS10167  | Tinh thần khởi nghiệp                            | 3     | Võ Hoàng Bắc - (02136)           |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 414 | BUS10168  | 221BUS10168  | Tinh thần khởi nghiệp                            | 3     | Võ Hoàng Bắc - (02136)           |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 415 | BUS10169  | 221BUS10169  | Tinh thần khởi nghiệp                            | 3     | Võ Hoàng Bắc - (02136)           |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 416 | BUS10170  | 221BUS10170  | Tinh thần khởi nghiệp                            | 3     | Võ Hoàng Bắc - (02136)           |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 417 | BUS10171  | 221BUS10171  | Tinh thần khởi nghiệp                            | 3     | Trần Thị Hòa - (08002)           |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 418 | BUS10172  | 221BUS10172  | Tinh thần khởi nghiệp                            | 3     | Trần Thị Hòa - (08002)           |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 419 | BUS10173  | 221BUS10173  | Tinh thần khởi nghiệp                            | 3     | Trần Thị Hòa - (08002)           |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 420 | BUS10174  | 221BUS10174  | Tinh thần khởi nghiệp                            | 3     | Trần Thị Hòa - (08002)           |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 421 | BUS10175  | 221BUS10175  | Tinh thần khởi nghiệp                            | 3     | Nguyễn Anh Phúc - (60354)        |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 422 | BUS10191  | 221BUS10191  | Tinh thần khởi nghiệp                            | 3     | Nguyễn Thị Lệ Hoa - (02008)      |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 423 | BUS10196  | 221BUS10196  | Tinh thần khởi nghiệp                            | 3     | Ngô Hoàng Non - (60540)          |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 424 | TOU30501  | 221TOU30501  | Tổng quan du lịch                                | 2     | Hồ Lưu Phúc - (60531)            |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 425 | TRA30603  | 221TRA30603  | Tổng quan về Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành | 2     | Phùng Anh Kiên - (03007)         |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 426 | TRA30604  | 221TRA30604  | Tổng quan về Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành | 2     | Phùng Anh Kiên - (03007)         |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 427 | TRA30605  | 221TRA30605  | Tổng quan về Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành | 2     | Nguyễn Thị Diễm Tuyết - (03009)  |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 428 | HOS30601  | 221HOS30601  | Tổng quan về Quản trị khách sạn                  | 2     | Nguyễn Tấn Trung - (60061)       |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 429 | HOS30604  | 221HOS30604  | Tổng quan về Quản trị khách sạn                  | 2     | Bùi Thị Ngọc Trâm - (60331)      |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 430 | ACC30310  | 221ACC30310  | Trải nghiệm ngành, nghề                          | 1     | Nguyễn Thị Tuyết Nhung - (02009) |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 431 | ACC30311  | 221ACC30311  | Trải nghiệm ngành, nghề                          | 1     | Nguyễn Thị Tuyết Nhung - (02009) |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 432 | BUS30807  | 221BUS30807  | Trải nghiệm ngành, nghề                          | 1     | Nguyễn Hoàng Tiến - (60222)      |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |

| STT | Mã lớp HP | Tên lớp     | Tên học phần            | Số TC | GV giảng dạy                     | P.QLĐT nhận bảng điểm | Ghi chú | Cập nhật ngày xử lý hoàn tất | Thời hạn phúc khảo bài thi | Thời hạn rà soát điểm |
|-----|-----------|-------------|-------------------------|-------|----------------------------------|-----------------------|---------|------------------------------|----------------------------|-----------------------|
| 433 | CHI33904  | 221CHI33904 | Trải nghiệm ngành, nghề | 1     | Hoàng Văn Cường - (25128)        |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 434 | ENG30901  | 221ENG30901 | Trải nghiệm ngành, nghề | 1     | La Thị Hồng Loan - (25106)       |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 435 | ENG30902  | 221ENG30902 | Trải nghiệm ngành, nghề | 1     | La Thị Hồng Loan - (25106)       | Chưa nhận             |         |                              |                            |                       |
| 436 | FRE30201  | 221FRE30201 | Trải nghiệm ngành, nghề | 1     | Nguyễn Minh Thắng - (60553)      |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 437 | INT31001  | 221INT31001 | Trải nghiệm ngành, nghề | 1     | Nguyễn Thị Diệu Anh - (14003)    | Chưa nhận             |         |                              |                            |                       |
| 438 | INT31002  | 221INT31002 | Trải nghiệm ngành, nghề | 1     | Nguyễn Thị Diệu Anh - (14003)    | Chưa nhận             |         |                              |                            |                       |
| 439 | INT31003  | 221INT31003 | Trải nghiệm ngành, nghề | 1     | Nguyễn Thị Diệu Anh - (14003)    | Chưa nhận             |         |                              |                            |                       |
| 440 | INT31004  | 221INT31004 | Trải nghiệm ngành, nghề | 1     | Nguyễn Thị Diệu Anh - (14003)    | Chưa nhận             |         |                              |                            |                       |
| 441 | INT31005  | 221INT31005 | Trải nghiệm ngành, nghề | 1     | Nguyễn Thị Diệu Anh - (14003)    | Chưa nhận             |         |                              |                            |                       |
| 442 | INT31006  | 221INT31006 | Trải nghiệm ngành, nghề | 1     | Nguyễn Thị Diệu Anh - (14003)    | Chưa nhận             |         |                              |                            |                       |
| 443 | INT31007  | 221INT31007 | Trải nghiệm ngành, nghề | 1     | Nguyễn Thị Diệu Anh - (14003)    | Chưa nhận             |         |                              |                            |                       |
| 444 | INT31008  | 221INT31008 | Trải nghiệm ngành, nghề | 1     | Nguyễn Thị Diệu Anh - (14003)    | Chưa nhận             |         |                              |                            |                       |
| 445 | INT31009  | 221INT31009 | Trải nghiệm ngành, nghề | 1     | Nguyễn Thị Diệu Anh - (14003)    | Chưa nhận             |         |                              |                            |                       |
| 446 | INT31010  | 221INT31010 | Trải nghiệm ngành, nghề | 1     | Nguyễn Thị Diệu Anh - (14003)    | Chưa nhận             |         |                              |                            |                       |
| 447 | INT31011  | 221INT31011 | Trải nghiệm ngành, nghề | 1     | Nguyễn Thị Diệu Anh - (14003)    | Chưa nhận             |         |                              |                            |                       |
| 448 | INT31012  | 221INT31012 | Trải nghiệm ngành, nghề | 1     | Nguyễn Bạch Thanh Tùng - (60440) | Chưa nhận             |         |                              |                            |                       |
| 449 | INT31013  | 221INT31013 | Trải nghiệm ngành, nghề | 1     | Nguyễn Bạch Thanh Tùng - (60440) | Chưa nhận             |         |                              |                            |                       |
| 450 | INT31014  | 221INT31014 | Trải nghiệm ngành, nghề | 1     | Nguyễn Bạch Thanh Tùng - (60440) | Chưa nhận             |         |                              |                            |                       |
| 451 | INT31015  | 221INT31015 | Trải nghiệm ngành, nghề | 1     | Nguyễn Bạch Thanh Tùng - (60440) | Chưa nhận             |         |                              |                            |                       |
| 452 | INT31016  | 221INT31016 | Trải nghiệm ngành, nghề | 1     | Nguyễn Bạch Thanh Tùng - (60440) | Chưa nhận             |         |                              |                            |                       |
| 453 | INT31017  | 221INT31017 | Trải nghiệm ngành, nghề | 1     | Huỳnh Thị Châu Ái - (01019)      | Chưa nhận             |         |                              |                            |                       |
| 454 | INT31018  | 221INT31018 | Trải nghiệm ngành, nghề | 1     | Huỳnh Thị Châu Ái - (01019)      | Chưa nhận             |         |                              |                            |                       |
| 455 | INT31019  | 221INT31019 | Trải nghiệm ngành, nghề | 1     | Huỳnh Thị Châu Ái - (01019)      | Chưa nhận             |         |                              |                            |                       |
| 456 | INT31020  | 221INT31020 | Trải nghiệm ngành, nghề | 1     | Huỳnh Thị Châu Ái - (01019)      | Chưa nhận             |         |                              |                            |                       |
| 457 | INT31021  | 221INT31021 | Trải nghiệm ngành, nghề | 1     | Huỳnh Thị Châu Ái - (01019)      | Chưa nhận             |         |                              |                            |                       |
| 458 | INT31022  | 221INT31022 | Trải nghiệm ngành, nghề | 1     | Phạm Thành Đạt - (60515)         | Chưa nhận             |         |                              |                            |                       |
| 459 | INT31023  | 221INT31023 | Trải nghiệm ngành, nghề | 1     | Phạm Thành Đạt - (60515)         | Chưa nhận             |         |                              |                            |                       |
| 460 | INT31024  | 221INT31024 | Trải nghiệm ngành, nghề | 1     | Phạm Thành Đạt - (60515)         | Chưa nhận             |         |                              |                            |                       |
| 461 | INT31025  | 221INT31025 | Trải nghiệm ngành, nghề | 1     | Nguyễn Thị Diệu Anh - (14003)    | Chưa nhận             |         |                              |                            |                       |
| 462 | INT31026  | 221INT31026 | Trải nghiệm ngành, nghề | 1     | Nguyễn Thị Diệu Anh - (14003)    | Chưa nhận             |         |                              |                            |                       |
| 463 | INT31027  | 221INT31027 | Trải nghiệm ngành, nghề | 1     | Nguyễn Thị Diệu Anh - (14003)    | Chưa nhận             |         |                              |                            |                       |
| 464 | INT31028  | 221INT31028 | Trải nghiệm ngành, nghề | 1     | Nguyễn Thị Diệu Anh - (14003)    | Chưa nhận             |         |                              |                            |                       |
| 465 | INT31029  | 221INT31029 | Trải nghiệm ngành, nghề | 1     | Nguyễn Thị Diệu Anh - (14003)    | Chưa nhận             |         |                              |                            |                       |
| 466 | INT31030  | 221INT31030 | Trải nghiệm ngành, nghề | 1     | Nguyễn Thị Diệu Anh - (14003)    | Chưa nhận             |         |                              |                            |                       |
| 467 | INT31031  | 221INT31031 | Trải nghiệm ngành, nghề | 1     | Nguyễn Thị Diệu Anh - (14003)    | Chưa nhận             |         |                              |                            |                       |
| 468 | INT31032  | 221INT31032 | Trải nghiệm ngành, nghề | 1     | Nguyễn Hữu Hương Xuân - (60363)  | Chưa nhận             |         |                              |                            |                       |
| 469 | INT31033  | 221INT31033 | Trải nghiệm ngành, nghề | 1     | Nguyễn Hữu Hương Xuân - (60363)  | Chưa nhận             |         |                              |                            |                       |

| STT | Mã lớp HP | Tên lớp     | Tên học phần                            | Số TC | GV giảng dạy                     | P.QLĐT nhận bảng điểm | Ghi chú | Cập nhật ngày xử lý hoàn tất        | Thời hạn phúc khảo bài thi | Thời hạn rà soát điểm |
|-----|-----------|-------------|-----------------------------------------|-------|----------------------------------|-----------------------|---------|-------------------------------------|----------------------------|-----------------------|
| 470 | INT31034  | 221INT31034 | Trải nghiệm ngành, nghề                 | 1     | Nguyễn Hữu Hương Xuân - (60363)  | Chưa nhận             |         |                                     |                            |                       |
| 471 | MAN30301  | 221MAN30301 | Trải nghiệm ngành, nghề                 | 1     | Cao Thị Thanh Trúc - (02022)     | Chưa nhận             |         |                                     |                            |                       |
| 472 | MAN30304  | 221MAN30304 | Trải nghiệm ngành, nghề                 | 1     | Trần Thanh Quân - (60375)        |                       |         | 12/03/2023                          | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 473 | MAR30318  | 221MAR30318 | Trải nghiệm ngành, nghề                 | 1     | Phan Thị Kim Xuyến - (08006)     | Chưa nhận             |         |                                     |                            |                       |
| 474 | SUC30206  | 221SUC30206 | Trải nghiệm ngành, nghề                 | 1     | Trần Thanh Quân - (60375)        |                       |         | 12/03/2023                          | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 475 | SUC30208  | 221SUC30208 | Trải nghiệm ngành, nghề                 | 1     | Trần Thanh Quân - (60375)        |                       |         | 12/03/2023                          | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 476 | HOS43005  | 221HOS43005 | Trải nghiệm ngành, nghề 2 QTKS          | 1     | Nguyễn Long Trâm Anh - (60377)   |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 477 | ENG31104  | 221ENG31104 | Trải nghiệm ngành, nghề Biên phiên dịch | 1     | Nguyễn Thị Diệu Ngộ - (25037)    |                       |         | 12/03/2023                          | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 478 | NUR30201  | 221NUR30201 | Trải nghiệm ngành, nghề Điều dưỡng      | 1     | Nguyễn Phi Hùng - (60340)        | Chưa nhận             |         |                                     |                            |                       |
| 479 | LAW30201  | 221LAW30201 | Trải nghiệm ngành, nghề Luật            | 1     | Nguyễn Hữu Thành - (60341)       | Chưa nhận             |         |                                     |                            |                       |
| 480 | LAW30202  | 221LAW30202 | Trải nghiệm ngành, nghề Luật            | 1     | Nguyễn Hữu Thành - (60341)       | Chưa nhận             |         |                                     |                            |                       |
| 481 | LAW30203  | 221LAW30203 | Trải nghiệm ngành, nghề Luật            | 1     | Nguyễn Hữu Thành - (60341)       | Chưa nhận             |         |                                     |                            |                       |
| 482 | LAW30204  | 221LAW30204 | Trải nghiệm ngành, nghề Luật            | 1     | Nguyễn Hữu Thành - (60341)       | Chưa nhận             |         |                                     |                            |                       |
| 483 | LAW30205  | 221LAW30205 | Trải nghiệm ngành, nghề Luật            | 1     | Nguyễn Hữu Thành - (60341)       | Chưa nhận             |         |                                     |                            |                       |
| 484 | LAW30206  | 221LAW30206 | Trải nghiệm ngành, nghề Luật            | 1     | Nguyễn Hữu Thành - (60341)       | Chưa nhận             |         |                                     |                            |                       |
| 485 | LAW30207  | 221LAW30207 | Trải nghiệm ngành, nghề Luật            | 1     | Nguyễn Viết Tú - (60355)         |                       |         | 12/03/2023                          | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 486 | LAW30208  | 221LAW30208 | Trải nghiệm ngành, nghề Luật            | 1     | Nguyễn Viết Tú - (60355)         |                       |         | 12/03/2023                          | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 487 | LAW30209  | 221LAW30209 | Trải nghiệm ngành, nghề Luật            | 1     | Nguyễn Viết Tú - (60355)         |                       |         | 12/03/2023                          | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 488 | FOT50102  | 221FOT50102 | TTN Công nghệ thực phẩm                 | 5     | Lâm Đức Cường - (60226)          | Chưa nhận             |         |                                     |                            |                       |
| 489 | MAR52701  | 221MAR52701 | TTN Marketing                           | 3     | Phan Thị Kim Xuyến - (08006)     | Chưa nhận             |         |                                     |                            |                       |
| 490 | JAP59101  | 221JAP59101 | TTN Ngôn ngữ Nhật                       | 5     | Nguyễn Thị Hồng YẾN - (60316)    | Chưa nhận             |         |                                     |                            |                       |
| 491 | MAN52605  | 221MAN52605 | TTN Quản trị kinh doanh                 | 5     | Nguyễn Minh Xuân Hương - (02075) |                       |         | 17/03/2023                          | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 492 | PSY54704  | 221PSY54704 | TTN Tâm lý học                          | 5     | Trần Thị Thu Vân - (04115)       |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 493 | POL10902  | 221POL10902 | Tư tưởng Hồ Chí Minh                    | 2     | Tạ Trần Trọng - (05003)          |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 494 | POL10907  | 221POL10907 | Tư tưởng Hồ Chí Minh                    | 2     | Tạ Trần Trọng - (05003)          |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 495 | POL10914  | 221POL10914 | Tư tưởng Hồ Chí Minh                    | 2     | Dương Đức Hưng - (05005)         |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 496 | MMC41001  | 221MMC41001 | Ứng dụng đồ họa đa phương tiện          | 3     | Bùi Tấn Trung - (60532)          |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 497 | MMC41002  | 221MMC41002 | Ứng dụng đồ họa đa phương tiện          | 3     | Bùi Tấn Trung - (60532)          |                       |         | Lớp thực hành, chi lưu ko nhập điểm | #VALUE!                    | #VALUE!               |
| 498 | SOS10201  | 221SOS10201 | Văn hiến Việt Nam                       | 3     | Trần Thị Lợi - (10006)           |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 499 | SOS10202  | 221SOS10202 | Văn hiến Việt Nam                       | 3     | Đoàn Trọng Thiệu - (04002)       |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 500 | SOS10203  | 221SOS10203 | Văn hiến Việt Nam                       | 3     | Hồ Văn Quốc - (04129)            |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 501 | SOS10205  | 221SOS10205 | Văn hiến Việt Nam                       | 3     | Lê Thị Ngọc Thúy - (05008)       |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 502 | SOS10207  | 221SOS10207 | Văn hiến Việt Nam                       | 3     | Lê Thị Ngọc Thúy - (05008)       |                       |         | 05/03/2023                          | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |

| STT | Mã lớp HP | Tên lớp      | Tên học phần                     | Số TC | GV giảng dạy                    | P.QLĐT nhận bảng điểm | Ghi chú | Cập nhật ngày xử lý hoàn tất | Thời hạn phúc khảo bài thi | Thời hạn rà soát điểm |
|-----|-----------|--------------|----------------------------------|-------|---------------------------------|-----------------------|---------|------------------------------|----------------------------|-----------------------|
| 503 | SOS10208  | 221SOS10208  | Văn hiến Việt Nam                | 3     | Lê Thị Ngọc Thúy - (05008)      |                       |         | 20/03/2023                   | 27/03/2023                 | 19/04/2023            |
| 504 | SOS10209  | 221SOS10209  | Văn hiến Việt Nam                | 3     | Nguyễn Thành Đạo - (05007)      |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 505 | SOS10210  | 221SOS10210  | Văn hiến Việt Nam                | 3     | Nguyễn Thành Đạo - (05007)      |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 506 | SOS10211  | 221SOS10211  | Văn hiến Việt Nam                | 3     | Lê Dương Khắc Minh - (60387)    |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 507 | SOS10213  | 221SOS10213  | Văn hiến Việt Nam                | 3     | Nguyễn Thành Đạo - (05007)      |                       |         | 05/03/2023                   | 12/03/2023                 | 04/04/2023            |
| 508 | TRA43301  | 221TRA43301  | Văn hóa Đông Nam Á               | 2     | Nguyễn Thị Thu Thủy - (03117)   |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 509 | KOR44101  | 221KOR44101  | Văn hóa Hàn Quốc                 | 2     | Jung Hye Gyung - (25170)        |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 510 | NUR40501  | 221NUR40501  | Vĩ sinh                          | 2     | Nguyễn Thị Thu Quyên - (60404)  |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 511 | SOC42801  | 221SOC42801  | Xã hội học đô thị                | 2     | Đào Quang Bình - (04111)        |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 512 | SOC43001  | 221SOC43001  | Xã hội học giáo dục              | 3     | Lê Thị Hoàng Liễu - (04089)     |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 513 | SOC43401  | 221SOC43401  | Xã hội học nông thôn             | 2     | Đào Quang Bình - (04111)        |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 514 | SOC43701  | 221SOC43701  | Xã hội học tổ chức               | 3     | Ngô Văn Huấn - (04108)          |                       |         | 12/03/2023                   | 19/03/2023                 | 11/04/2023            |
| 515 | SOC44001  | 221SOC44001  | Xã hội học y tế và sức khỏe      | 3     | Nguyễn Thị Minh Giang - (16008) |                       |         | 17/03/2023                   | 24/03/2023                 | 16/04/2023            |
| 516 | 1A0109401 | 2211A0109401 | Xây dựng chuẩn an toàn thông tin | 3     | Nguyễn Minh Thi - (60151)       | Chưa nhận             |         |                              |                            |                       |

**Tổng: 516 Lớp học phần**